TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-PT
Ngày 10 - 01 - 2024
V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Phan Thanh Tòng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Binh Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3970/2023/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn B, sinh năm 1961; Bà Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim S, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Minh T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt);

2. Anh Hồ Văn B1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3. Anh Hồ Văn T3, sinh năm 1988 (vắng mặt);

4. Chị Hồ Thị Mỹ T4, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Hồ Văn T1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày ngày 03/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Văn T1, bà Hồ Thị Ngọc T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Kim S trình bày:

Vào ngày 25/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có đưa vụ án yêu cầu chia tài sản chung, tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột của ông Hồ Văn B) sinh năm 1942, nơi thường trú cuối cùng ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre ra xét xử phúc thẩm, bản án số 17/2019/DSPT đã tuyên buộc ông Hồ Văn T1, bà Phan Thị H, Hồ Văn B1, Hồ Văn T3, Hồ Thị Mỹ T4, phải có nghĩa vụ liên đới giao cho bà Nguyễn Thị L 756m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A nằm tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Hồ Văn B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.000 đồng giá trị đất. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại chưa thi hành thì bà Nguyễn Thị L đã qua đời vào ngày 24/11/2019.

Do đó, ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T yêu cầu chia phần tài sản của bà Nguyễn Thị L đã được bản án phúc thẩm nêu trên đã tuyên cho 3 người gồm có Hồ Văn B, Hồ Văn T1 và Hồ Thị Ngọc T mỗi người được nhận kỷ phần như sau:

+ Về đất: Có tổng diện tích 756 m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A loại đất trồng cây lâu năm nằm tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Yêu mỗi người được nhận 252m^2 tuy nhiên ông B, bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật toàn bộ diện tích 756m^2 và cùng đứng tên chung phần đất này và hoàn lại 1/3 giá trị quyền sử dụng đất cho ông T1.

+ Về tiền: Số tiền 46.000.0000 đồng, mỗi người được nhận 15.330.000 đồng. Ông T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông B, bà T mỗi người 15.330.000 đồng.

Trên phần đất tranh chấp so với vụ án trước đây có phát sinh thêm 02 ngôi mộ của bà Nguyễn Thị L (người để lại di sản), anh Hồ Văn N (con ruột ông T1), nguyên đơn thống nhất không có tranh chấp cũng như không yêu cầu giải quyết đối với những ngôi mộ này, ai được nhận phần đất bằng hiện vật sẽ quản lý luôn những nôi mộ này.

Nguyên đơn không yêu cầu đo đạc lại mà lấy bản vẽ ngày 02/12/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Bến Tre trong vụ án trước làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với biên bản định giá ngày 27/4/2023, nguyên đơn thống nhất về giá và không có ý kiến gì.

Theo đơn phản tố ngày 27/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, người đại diện theo uỷ quyền của ông T1 và bà H là ông Huỳnh Minh T2 trình bày:

Bị đơn thống nhất phần di sản mà bà L chết để lại theo các bản án số 85/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại và bản án số 17/2019/DS-PT ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, cụ thể: gồm phần đất có diện tích 756m^2 (thuộc thửa 57-2 và 41-2) thuộc các điểm A,B,C,D,E,I,A theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 57, tờ bản đồ số 29 ngày 02/12/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bến Tre và số tiền 46.000.000 đồng mà ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L theo các bản án này. Vấn đề di sản của bà L để lại nói trên theo bản án số: 17/2019/DS-PT đã xác định phía bị đơn không có ý kiến gì. Tuy nhiên, do ông Hồ Văn T1 là con trai út của bà L hiện ông đang thờ cúng bà L, cho nên đề nghị Tòa án giành một kỹ phần thờ cúng tương đương với kỹ phần thừa kế cho người trực tiếp thờ cúng được hưởng là ông T1. Theo đó phần diện tích 756m^2 thuộc các điểm A,B,C,D,E,I,A cần chia ra làm 04 phần bằng nhau (theo hướng xã dọc từ lộ công cộng nhìn vào).

Nếu chia như phương án nói trên thì chiều ngang mỗi phần chỉ khoảng 3,5m chạy dài đến hết đất sẽ dẫn đến tình trạng diện tích nhỏ không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định của Nhà nước hiện hành. Do đó, phía ông Hồ Văn T1 đề nghị ông được quản lý sử dụng trọn hết diện tích đất nói trên và ông sẽ hoàn tiền lại cho phía ông B, bà T bằng giá trị (tiền) theo đơn giá mà Hội đồng định giá quyết định.

Ngoài ra, trên thực tế trước nay phía gia đình ông T1, bà H là người trực tiếp quản lý canh tác đất này, ông bà con đông, không đủ chỗ ở... và phía ông B, bà T cũng có đất ở nơi khác không cần thiết phải lấy đất này, mặc khác nếu chia cho ông B, bà Trinh B2 hiện vật thì hai ông bà về sống tại đây sẽ không ổn định vì hai bên đã có mâu thuẫn. Vậy nên thiết nghĩ để phía ông T1, bà H quản lý hết phần diện tích này hoàn tiền lại cho phía ông B, bà T như nói trên là hợp lý nhất.

Trên phần đất tranh chấp so với vụ án trước đây có phát sinh thêm 02 ngôi mộ của bà Nguyễn Thị L (người để lại di sản), anh Hồ Văn N (con ruột ông T1), bị đơn thống nhất không có tranh chấp cũng như yêu cầu giải quyết đối với

những ngôi mộ này, ai được nhận phần đất bằng hiện vật sẽ quản lý luôn những ngôi mộ này.

Bị đơn không yêu cầu đo đạc lại mà lấy bản vẽ ngày 02/12/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Bến Tre trong vụ án trước làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với biên bản định giá ngày 27/4/2023, bị đơn thống nhất về giá và không có ý kiến gì.

Tại các đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 27/4/2023, ngày 01/5/2023, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn B1, anh Hồ Văn T3, chị Hồ Thị Mỹ T4 trình bày:

Các anh chị là con của ông Hồ Văn T1 và bà Phan Thị H, các anh chị có biết vụ án do ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T khởi kiện ông Hồ Văn T1 để tranh chấp di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị L (đã chết) để lại hiện do Tòa án đang thụ lý giải quyết.

Tuy nhiên, do các anh chị bận công việc làm ăn không thể trực tiếp tham gia tố tụng trong vụ án nêu trên được nên các anh chị xin được phép vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Các anh chị cũng đồng ý với ý kiến của ông Hồ Văn T1 và bà Phan Thị H trong vụ án nói trên không có ý kiến nào khác. Đề nghị Tòa án cứ giải quyết vắng mặt anh chị và cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 35, 92, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 106, 167, 169, 170, 203 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T đối với ông Hồ Văn T1.

Chia phần di sản của bà Nguyễn Thị L là phần đất có diện tích 756m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 tờ bản đồ số 29 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre, loại đất trồng cây lâu năm được chia làm 03 phần cho ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T, ông Hồ Văn T1 mỗi người được nhận là 756m^2 : 3 = 252m^2 đất.

Chia phần tiền ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.000 đồng: Được chia làm 03 phần cho ông Hồ Văn B, ông Hồ Văn T1, bà Hồ Thị Ngọc T mỗi người được nhận 15.333.000 đồng.

2. Ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T được đồng quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 756m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 tờ bản đồ số 29 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre, loại đất trồng cây lâu năm, phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp với phần diện tích còn lại do ông T1 quản lý

+ Phía Tây giáp với đất Trần Thị L1 thửa 56

+ Phía Nam giáp với đường B, xã Đ

+ Phía Bắc giáp với đất của Võ Phương Đông E thửa 41

(Có họa đồ kèm theo)

Buộc ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho ông Hồ Văn T1 1/3 giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là 176.400.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T hoàn thành nghĩa vụ trả tiền nêu trên, ông Hồ Văn T1 cùng các thành viên gia đình là bà Phan Thị H, anh Hồ Văn B1, anh Hồ Văn T3, chị Hồ Thị Mỹ T4 phải có nghĩa vụ tháo dỡ một phần chuồng bò và một phần mái che để giao đất lại cho ông B, bà T quản lý, sử dụng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được chia thừa kế như bản án đã tuyên.

3. Buộc ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Hồ Văn B số tiền 15.330.000 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

4. Buộc ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hồ Thị Ngọc T số tiền 15.330.000 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/8/2023, bị đơn ông Hồ Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chia thừa kế theo pháp luật di sản của bà Nguyễn Thị L phần đất có diện tích 756m^2 làm 04 phần, bị đơn nhận 2 phần diện tích 378m^2, bị đơn yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích đất và hoàn lại giá trị cho ông B, bà T. Đối với số tiền 46.000.000 đồng bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L, do chia là 4 phần, bị đơn nhận 2 phần, nên bị đơn chỉ đồng ý hoàn lại cho ông B, bà T mỗi người 11.500.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩ vụ liên quan và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H còn trong thời hạn luật định nên được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Hồ Văn N (con ông Hồ Văn T1) chết trước thời điểm các nguyên đơn khởi kiện vụ án này nhưng Tòa án sơ thẩm xác định anh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 69 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử điều chỉnh lại việc xác định đương sự trong vụ án cho phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.3] Anh Hồ Văn B1, Hồ Văn T3, chị Hồ Thị Mỹ T4 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B1, anh T3, chị T4 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B1, anh T3, chị T4.

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp:

Phần đất tranh chấp có diện tích 756m^2 (thuộc thửa ký hiệu 57-2 diện tích 741,6m^2 và 41-2 diện tích 14,4m^2) thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông Hồ Văn B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận HM00283 cấp ngày 08/6/2009.

Tại Bản án sơ thẩm số 85/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại và Bản án phúc thẩm số 17/2019/DS-PT ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc tranh chấp di sản thừa kế (đã có hiệu lực pháp luật) đã tuyên: Bà Nguyễn Thị L được nhận phần đất có diện tích

756m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 57, tờ bản đồ số 29 ngày 02/12/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Bến Tre. Bản án chưa được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại thi hành thì bà Nguyễn Thị L chết ngày 24/11/2019 không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm có Hồ Văn B, Hồ Văn T1, Hồ Thị Ngọc T. Nay ông B, bà T có yêu cầu chia thừa kế di sản của bà L đối với phần đất nêu trên. Thời điểm tranh chấp phát sinh thêm 02 ngôi mộ của bà Nguyễn Thị L, anh Hồ Văn N (con ông T1) nhưng các bên không tranh chấp những ngôi mộ này, không yêu cầu đo đạc lại và thống nhất lấy bản vẽ ngày 02/12/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Bến Tre làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về xác định di sản bà Nguyễn Thị L chết để lại:

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 17/2019/DS-PT ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có hiệu lực pháp luật và sự thừa nhận của các b, có cơ sở xác định di sản của bà Nguyễn Thị L chết để lại gồm phần đất có diện tích 756m^2 (thuộc thửa 57-2 và 41-2) và số tiền Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L là 46.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn:

[4.1] Nguyên đơn ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T yêu cầu chia phần di sản của bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật cả phần đất và phần tiền đều chia làm 03 phần cho ông B, bà T, ông Hồ Văn T1 cụ thể: Về phần đất diện tích 756m^2 chia làm 03 phần, mỗi người 252m^2. Ông B, bà T yêu cầu cùng nhận bằng hiện vật toàn bộ phần đất và cùng đứng tên chung phần đất này, và cùng hoàn lại 1/3 giá trị phần đất cho ông Hồ Văn T1. Về phần tiền ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.000 đồng cũng yêu cầu chia làm 03 phần, mỗi phần là 15.330.000 đồng. Ông T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Hồ Văn B và bà Hồ Thị Ngọc T mỗi người là 15.330.000 đồng.

Bị đơn ông Hồ Văn T1 có đơn phản tố yêu cầu chia làm 04 phần, trong đó chia cho ông T1 02 phần và bà Hồ Thị Ngọc T, ông Hồ Văn B mỗi người 01 phần vì ông là con trai út trong gia đình có trách nhiệm thờ cúng bà L, cụ thể: Phần đất 756m^2 chia làm 04 phần, mỗi phần 189m^2, ông được nhận 02 phần là 378m^2, ông B, bà T mỗi người 189m^2, ông T1 yêu cầu nhận bằng hiện vật toàn bộ phần đất và hoàn lại giá trị cho ông Hồ Văn B và bà Hồ Thị Ngọc T. Về phần tiền ông T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.000 đồng cũng yêu cầu chia làm 04 phần, mỗi phần là 11.500.000 đồng. Ông T1 được nhận 02 phần nên ông T1 đồng ý hoàn lại cho ông Hồ Văn B và bà Hồ Thị Ngọc T số tiền 11.500.000 đồng mỗi người.

[4.2] Xét thấy: Bà Nguyễn Thị L chết không để lại di chúc, do đó phần di sản của bà chết để lại sẽ được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà gồm 03 người là ông Hồ Văn B, ông Hồ Văn T1 và bà Hồ Thị Ngọc T quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự. Về nguyên tắc những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự, phần đất có diện tích 756m^2 sẽ được chia làm 03 phần, mỗi người nhận 1 phần có diện tích 252m^2, phần số tiền 46.000.000 đồng ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà L cũng được chia làm 03 phần, mỗi người nhận 01 phần tương ứng với số tiền 15.333.333 đồng. Do đó, xét thấy yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật của các nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L là 04 phần, bị đơn nhận 02 phần, với lý do bị đơn là con trai Ú có trách nhiệm thờ cúng nên phải được nhận phần nhiều hơn. Tuy nhiên, xét thấy lúc bà L còn sống bà là nguyên đơn khởi kiện chính bị đơn là ông Hồ Văn T1 để yêu cầu phân chia tài sản chung và di sản của ông T5 (chồng bà L) để lại, đồng thời tại biên bản làm việc ngày 05/6/2018 bà L trình bày lúc còn sống bà đang sống chung với ông Hồ Văn B, theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông B, bà T là người nuôi dưỡng chăm sóc bà, sau khi bà chết ông B, bà T là người đứng ra quán xuyến tổ chức đám tang cho bà L, còn việc thờ cúng chính bị đơn cũng thừa nhận là do mâu thuẫn anh chị em trong gia đình nên mạnh ai nấy thờ bà L. Do đó, xét thấy yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] Về yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật là toàn bộ phần đất có diện tích 756m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre, loại đất trồng cây lâu năm.

Xét thấy, trong vụ án tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế quyền sử dụng đất trước đây được giải quyết bằng Bản án số 17/2019/DS-PT ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đối với phần đất thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 29 thì ông Hồ Văn B, Hồ Văn T1, Hồ Thị Ngọc T mỗi người được nhận phần đất 174,8m^2, nhưng do ông Hồ Văn T1 cùng gia đình không còn chỗ ở nào khác nên ông T1 được xem xét cho nhận bằng hiện vật phần đất có diện tích 641,6m^2 và ông T1 có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông Hồ Văn B và bà Hồ Thị Ngọc T mỗi người 87.400.000 đồng. Tuy nhiên số tiền này sau khi phúc thẩm có hiệu lực pháp luật đến nay thì ông T1 cũng chưa thanh toán cho ông B, bà T theo Công văn số 534/CCTHADS ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Hiện tại, theo kết quả xác minh thì bà Hồ Thị Ngọc T cùng chồng cũng chưa có phần đất riêng đứng tên quyền sử dụng để ở mà đang cất

nhà trên phần đất của ông Nguyễn Văn C (cậu ruột chồng bà T). Do đó, để đảm bảo tính công bằng và đảm bảo cho việc thi hành án, xét thấy cần phải chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu được nhận toàn bộ phần đất 756m^2 bằng hiện vật. Các nguyên đơn ông Hồ Văn B và Hồ Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại 1/3 giá trị đất cho ông Hồ Văn T1 số tiền là 176.400.000 đồng (theo Biên bản định giá ngày 27/4/2023 của Hội đồng định giá huyện B, giá đất 700.000 đồng/m^2 x 252m2 = 176.400.000 đồng).

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Bình Đại.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn B, ông Hồ Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu số tiền là 9.586.500 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T1, bà Phan Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T1, bà Phan Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 26, khoản 1 Điều 35, 92, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 106, 167, 169, 170, 203 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T đối với ông Hồ Văn T1.

Chia phần di sản của bà Nguyễn Thị L là phần đất có diện tích 756m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 tờ bản đồ số 29 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A tọa lạc tại

ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre, loại đất trồng cây lâu năm được chia làm 03 phần cho ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T, ông Hồ Văn T1 mỗi người được nhận là 756m^2 : 3 = 252m^2 đất.

Chia phần tiền ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.000 đồng: Được chia làm 03 phần cho ông Hồ Văn B, ông Hồ Văn T1, bà Hồ Thị Ngọc T mỗi người được nhận 15.333.000 đồng.

2. Ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T được đồng quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 756m^2 thuộc thửa 57-2 và 41-2 tờ bản đồ số 29 thuộc các điểm A, B, C, D, E, I, A tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre, loại đất trồng cây lâu năm, phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp với phần diện tích còn lại do ông T1 quản lý;

+ Phía Tây giáp với đất Trần Thị L1 thửa 56;

+ Phía Nam giáp với đường B, xã Đ;

+ Phía Bắc giáp với đất của Võ Phương Đông E thửa 41.

(Có họa đồ kèm theo)

Buộc ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho ông Hồ Văn T1 1/3 giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là 176.400.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

Sau khi ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T hoàn thành nghĩa vụ trả tiền nêu trên, ông Hồ Văn T1 cùng các thành viên gia đình là bà Phan Thị H, anh Hồ Văn B1, anh Hồ Văn T3, chị Hồ Thị Mỹ T4 phải có nghĩa vụ tháo dỡ một phần chuồng bò và một phần mái che để giao đất lại cho ông B, bà T quản lý, sử dụng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được chia thừa kế như bản án đã tuyên.

3. Buộc ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Hồ Văn B số tiền 15.330.000 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

4. Buộc ông Hồ Văn T1 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Hồ Thị Ngọc T số tiền 15.330.000 (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc T tự nguyện chịu chi phí định giá 600.000 đồng, đã quyết toán xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Ông Hồ Văn B thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí. Hoàn trả cho ông Hồ Văn B số tiền tạm ứng án phí là 1.133.000 (Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000611 ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

- Buộc bà Hồ Thị Ngọc T phải chịu 9.586.500 (Chín triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 1.133.000 (Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000612 ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Bà Hồ Thị Ngọc T còn phải nộp số tiền còn lại là 8.453.500 (T6 triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm) đồng.

7. Về án phí phúc thẩm: Ông Hồ Văn T1, bà Phan Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng